|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 45/TTr-CP | *Hà Nội, ngày 15 tháng 02năm 2017* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị bổ sung đối tượng đặc thù được ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư**

**từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng**

**nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020**

***(tại Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020)***

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Để cụ thể hóa Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH ngày 28/8/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt[[1]](#footnote-2).

Tuy nhiên, trong quá trình tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương, Chính phủ nhận thấy các xã thuộc vùng đặc thù đồng bằng sông Cửu Long cần được ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020.

Vì vậy, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Thường trực Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội[[2]](#footnote-3), để có đầy đủ căn cứ ban hành Quyết định, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thay mặt Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ quốc hội về việc cho phép bổ sung các xã thuộc các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long vào nhóm đối tượng được ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương theo nguyên tắc phân bổ được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020[[3]](#footnote-4), cụ thể như sau:

**1. Đặc điểm khu vực nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long.**

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long bao gồm 13 tỉnh, thành phố *(Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, TP. Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau)* có diện tích khoảng 40.604,7 km2, dân số khoảng 17.524 nghìn người. Trong đó, dân số nông thôn khoảng 13.807 nghìn người;có địa hình dạng lòng chảo, vùng ven sông, đường xá thường cao hơn các khu vực khác; có mạng lưới sông, kênh, rạch chằng chịt với tổng chiều dài khoảng 28.000km, là vùng bị ngập định kỳ, mực nước ngập dao động từ 0,8 - 1,2 m, có nơi ngập sâu đến 3,0 m. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm của cả nước về sản xuất lương thực để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia cũng là vùng trọng điểm về sản xuất thuỷ sản (trong đó có ngành công nghiệp tôm). Tuy nhiên hiện nay, vùng đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên chịu ảnh hưởng của tình trạng ngập lụt, xâm nhập mặn trên phạm vi lớn và chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu (nhất là nước biển dâng)...

- Mặc dù đến thời điểm hiện nay, chưa có báo cáo chính thức đánh giá và so sánh chi tiết, cụ thể về suất vốn đầu tư bình quân của từng vùng miền trên cả nước; tuy nhiên các Bộ (Xây dựng, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá Thể thao và Du lịch) đều nhận định: Theo kết quả thẩm định và đánh giá kết quả đầu tư các công trình hạ tầng của các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long, suất vốn đầu tư xây dựng nhà ở, các công trình công cộng (đường giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa) bình quân/công trình tại vùng đồng bằng sông Cửu Long cao hơn nhiều so với suất vốn đầu tư bình quân của cả nước do Bộ Xây dựng công bố. Nguyên nhân chủ yếu do: (1) Đặc điểm có nhiều kênh rạch, địa chất phức tạp, nền đất rất yếu nên để triển khai xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn phải tăng thêm nhiều chi phí để xử lý so với các vùng khác; (2) Nguồn vật liệu xây dựng khan hiếm, không có sẵn để khai thác tại chỗ mà phải vận chuyển chủ yếu bằng đường thủy từ các vùng khác đến nên chi phí đầu tư là rất lớn.

**2. Về hiện trạng xây dựng nông thôn mới của các xã của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long**:

a) Tổng số xã thực hiện xây dựng nông thôn mới của 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 1.280 xã, trong đó có 544 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao và đặc biệt khó khăn.

b) Về kết quả đạt chuẩn nông thôn mới của vùng *(tính đến hết tháng 01/2017)*:

- Cả vùng có 305 xã đạt 19 tiêu chí, trong đó, 261 xã (20,39%) đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới *(thấp hơn bình quân chung của cả nước 26,45%)*.

- 137 xã đạt từ 15-18 tiêu chí.

- 644 xã đạt từ 10-14 tiêu chí.

- 194 xã đạt từ 5-9 tiêu chí.

- Không còn xã dưới 5 tiêu chí.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

Những tiêu chí còn lại chưa đạt của các xã chủ yếu tập trung vào nhóm tiêu chí phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội *(giao thông, trường học, cơ sở vật chất văn hóa...)* là những tiêu chí cần nhiều nguồn lực đầu tư.

**3. Đề nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội:**

Trong nguyên tắc ưu tiên phân bổ được quy định tại Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về việc phát hành bổ sung và phân bổ vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016, các xã vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng thuộc nhóm đối tượng được ưu tiên phân bổ vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MQTG xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, trong Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/112/015 của Quốc hội thì các xã vùng đồng bằng sông Cửu Long chưa được đưa vào đối tượng được tiếp tục ưu tiên phân bổ vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020.

Vì vậy, từ những thực tế nêu trên, để các xã vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu đến 2020, bình quân toàn vùng có khoảng 51% số xã đạt chuẩn nông thôn mới *(theo mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016)*, trên cơ sở ý kiến thống nhất của tất cả các thành viên Chính phủ, Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xem xét bổ sung 1.244 xã *(trong đó có 544 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao và đặc biệt khó khăn)* thuộc12 tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long *(không bao gồm 36 xã của thành phố Cần Thơ, là địa phương tự cân đối được ngân sách)*,là những xã nằm trong khu vực bị ảnh hưởng bởi điều kiện địa hình, địa chất phức tạp, điển hình của khu vực đồng bằng sông Cửu Longvào nhóm đối tượng đặc thù được ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương theo nguyên tắc phân bổ quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bổ sung nhóm xã vùng đồng bằng sông Cửu Long vào đối tượng ưu tiên phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương, Thủ tướng Chính phủ quy định định mức phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 cho các địa phương phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách và đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn ngân sách Trung ương đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội.

Chính phủ xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Chủ tịch Quốc hội;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;  - Văn phòng Trung ương Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: KTTH, KGVX, PL, V.III, TH, TKBT.  - Lưu: VT, KTTH (3).  CVST:  Vi Việt Hoàng | **TM. CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  ***(Đã ký)***  **Nguyễn Xuân Cường** |

**Phụ lục**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA 13 TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**(Tính đến hết tháng 01/2017)**

*(Kèm theo Tờ trình số 45/TTr-CP ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **ĐỊA PHƯƠNG** | **Số tiêu chí đạt BQ/xã** | **Tổng số xã** | ***Quy hoạch*** | ***Giao thông*** | ***Thủy lợi*** | ***Điện*** | ***Trường học*** | ***CSVC Văn hóa*** | ***Chợ nông thôn*** | ***Bưu điện*** | ***Nhà ở dân cư*** | ***Thu nhập*** | ***Hộ nghèo*** | ***Cơ cấu lao động*** | ***Hình thức TCSX*** | ***Giáo dục*** | ***Y tế*** | ***Văn hóa*** | ***Môi trường*** | ***Hệ thống TCCT - XH vững mạnh*** | ***An ninh, trật tự XH*** |
| **I** | **CẢ NƯỚC** | **13,47** | **8.921** | ***98,8*** | ***38,8*** | ***64,7*** | ***82,1*** | ***42,6*** | ***34,9*** | ***61,5*** | ***93,1*** | ***62,7*** | ***58,9*** | ***50,5*** | ***88,1*** | ***74,8*** | ***78,9*** | ***68,1*** | ***66,7*** | ***44,0*** | ***72,4*** | ***92,0*** |
| **II** | **VÙNG ĐBSCL**  **(13 tỉnh, TP)** | **13,65** | **1.280** | ***100*** | ***38,8*** | ***88,3*** | ***77,1*** | ***37,7*** | ***33,8*** | ***64,4*** | ***99,1*** | ***60,6*** | ***59,3*** | ***56,3*** | ***92,0*** | ***84,0*** | ***86,3*** | ***72,0*** | ***86,9*** | ***44,4*** | ***65,1*** | ***93,1*** |
| 1 | Long An | 15,30 | 166 | 100 | 44,0 | 97,0 | 99,4 | 61,4 | 50,6 | 77,7 | 98,2 | 66,9 | 83,7 | 89,8 | 84,3 | 85,5 | 85,5 | 60,8 | 93,4 | 62,7 | 84,3 | 97,6 |
| 2 | Tiền Giang | 11,80 | 139 | 100 | 17,3 | 97,8 | 25,9 | 30,9 | 17,3 | 59,7 | 100 | 54,7 | 51,1 | 82,7 | 89,9 | 60,4 | 82,7 | 69,1 | 90,6 | 27,3 | 34,5 | 94,2 |
| 3 | Bến Tre | 10,61 | 144 | 100 | 52,9 | 97,6 | 72,9 | 42,4 | 49,4 | 71,8 | 98,8 | 47,1 | 67,1 | 42,4 | 94,1 | 91,8 | 97,6 | 87,1 | 87,1 | 35,3 | 63,5 | 92,9 |
| 4 | Trà Vinh | 13,92 | 85 | 100 | 42,7 | 79,8 | 100 | 46,1 | 37,1 | 88,8 | 100 | 66,3 | 56,2 | 76,4 | 100 | 100 | 100 | 100 | 89,9 | 78,7 | 86,5 | 100 |
| 5 | Vĩnh Long | 15,43 | 89 | 100 | 42,7 | 79,8 | 100 | 46,1 | 37,1 | 88,8 | 100 | 66,3 | 56,2 | 76,4 | 100 | 100 | 100 | 100 | 89,9 | 78,7 | 86,5 | 100 |
| 6 | Cần thơ | 17,14 | 36 | 100 | 69,4 | 100 | 100 | 75,0 | 58,3 | 83,3 | 100 | 88,9 | 80,6 | 75,0 | 100 | 100 | 100 | 91,7 | 97,2 | 94,4 | 100 | 100 |
| 7 | Hậu Giang | 14,04 | 54 | 100 | 42,6 | 64,8 | 94,4 | 48,1 | 38,9 | 61,1 | 100 | 55,6 | 51,9 | 68,5 | 100 | 98,1 | 92,6 | 92,6 | 98,1 | 42,6 | 66,7 | 87,0 |
| 8 | Sóc Trăng | 15,16 | 80 | 100 | 46,3 | 100 | 93,8 | 38,8 | 55,0 | 81,3 | 98,8 | 63,8 | 47,5 | - | 96,3 | 100 | 100 | 95,0 | 82,5 | 50,0 | 86,3 | 96,3 |
| 9 | An Giang | 11,45 | 119 | 100 | 37,8 | 96,6 | 53,8 | 10,9 | 18,5 | 58,0 | 100 | 47,9 | 44,5 | 18,5 | 81,5 | 85,7 | 62,2 | 46,2 | 95,8 | 31,9 | 56,3 | 89,9 |
| 10 | Đồng Tháp | 13,90 | 119 | 100 | 51,3 | 98,3 | 98,3 | 42,0 | 31,1 | 79,8 | 100 | 63,9 | 48,7 | 93,3 | 85,7 | 89,9 | 100 | 68,1 | 97,5 | 54,6 | 59,7 | 100 |
| 11 | Kiên Giang | 13,33 | 118 | 100 | 61,9 | 77,1 | 64,4 | 39,8 | 37,3 | 60,2 | 97,5 | 59,3 | 88,1 | 48,3 | 96,6 | 88,1 | 89,0 | 66,1 | 84,7 | 36,4 | 60,2 | 78,0 |
| 12 | Bạc Liêu | 13,22 | 49 | 100 | 28,6 | 100,0 | 79,6 | 46,9 | 26,5 | 61,2 | 91,8 | 71,4 | 24,5 | 24,5 | 87,8 | 87,8 | 93,9 | 75,5 | 98,0 | 36,7 | 95,9 | 100 |
| 13 | Cà Mau | 12,20 | 82 | 100 | 24,4 | 28,0 | 75,6 | 25,6 | 35,4 | 13,4 | 100 | 79,3 | 61,0 | 14,6 | 97,6 | 89,0 | 100 | 98,8 | 43,9 | 56,1 | 82,9 | 96,3 |

1. Tại Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020. [↑](#footnote-ref-2)
2. Tại cuộc họp ngày 16/01/2017 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách với các Bộ *(Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư)* về việc chuẩn bị Báo cáo thẩm tra trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về Tờ trình số 600/TTr-CP ngày 31/12/2016 của Chính phủ về việc cho phép áp dụng hệ số đặc thù ưu tiên phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đối với các xã vùng đồng bằng Sông Cửu Long. [↑](#footnote-ref-3)
3. Công văn số 11303/VPCP-KTTH ngày 28/12/2016 của Văn phòng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-4)